

Bản án số 80/2019/HC-PT

Ngày 19/6/2019

V/v “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm, ông Nguyễn Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 185/2018/TLPT-HC ngày 10/7/2018 về “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HCST ngày 13/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 487/2019/QĐ-PT ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị Kim T [sinh năm 1947; địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum], có mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T ủy quyền cho con gái là chị Nguyễn Thị Phương L, chị L có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum; địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum; có đơn ngày 12/6/2019 đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum là ông Trương Đ (Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum); ông Đ có mặt.

2.2. Chủ tịch UBND thành phố K, tỉnh Kon Tum;

Người đại diện theo văn bản ủy quyền số 1687/GUQ-CTUBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND thành phố K (ông Nguyễn Văn Đ) là ông Nguyễn Xuân N (Phó Chủ tịch UBND thành phố K), ông N có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Quân Đoàn X; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 09/01/2018 của Tư lệnh Quân Đoàn X là ông Lê Văn C (Phó Sư đoàn X), ông C có mặt.

3.2. Bà Đặng Thị Kim A; địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum, có mặt

3.3. Bà Bùi Thị Kim T1; địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2017 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Trần Thị Kim T và người đại diện theo ủy quyền:

Yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 496/QĐ-GQKN ngày 14/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K và Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giải quyết khiếu nại của bà T; Yêu cầu Tòa án giải quyết bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T đối với diện tích 13.000m² đất bà T được UBND thị xã K (nay là UBND thành phố K) giao tại Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 05/6/1987 theo chính sách giãn dân lập vườn; Yêu cầu Tòa án xác định diện tích 2.100m² đất mà Công văn số 1460/SĐ-TM ngày 19/6/2017 của Sư đoàn X trả bà Đặng Thị Kim A và bà Bùi Thị Kim T1 phải thuộc quyền sử dụng của bà T vì gia đình bà T không chuyển nhượng cho bà A mà bà A làm giả Giấy chuyển nhượng lừa Sư đoàn X nên Sư đoàn X trả đất nhầm cho 02 bà này; Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND thành phố K bồi thường cho bà T đối với diện tích đã giao cho bà T tại Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 05/6/1987, sau đó lại giao cho Sư đoàn X.

Ngoài ra, bà T còn trình bày Bà có “Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai” đòi lại diện tích đất UBND thành phố K giao cho Bà tại Quyết định 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987, nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 496/QĐ-GQKN ngày 14/6/2017 và Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 492/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 là không đúng trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013 và Điều 202 Luật đất đai 2013, không đúng hình thức văn bản (lẽ ra căn cứ khoản 4 Điều 203 Luật đất đai 2013 thì phải ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai).

- Người bị kiện là đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum trình bày:

Ngày 12/7/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum nhận được đơn khiếu nại (lần hai) đề ngày 07/7/2017 của bà T, với nội dung: Khiếu nại, yêu cầu giải quyết trả lại gia đình bà T 13.000m² đất đã được UBND thị xã K (nay là UBND thành phố K) giao tại Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 05/6/1987 thuộc địa phận phường T, thành phố K vì bà T không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại Quyết định số 496/QĐ-GQKN ngày 14/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố K.

Ngày 20/7/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum ban hành Quyết định số 391/QĐ-UBND về thụ lý và giao nhiệm vụ xác minh, đề xuất giải quyết khiếu nại (lần hai) của công dân cho bộ phận tham mưu. Căn cứ kết quả xác minh của Bộ phận chức năng và kết quả đối thoại trực tiếp với bà T vào ngày 05/9/2017 thì Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum đã ban hành Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 giải quyết khiếu nại lần hai đối với khiếu nại của bà T, với quyết định “Không công nhận nội dung bà Trần Thị Kim T khiếu nại yêu cầu hoàn trả lại cho gia đình bà diện tích đất tương ứng với Quyết định số 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987

của UBND thị xã K (nay là UBND thành phố K) cấp đất giãn dân lập vườn, diện tích 13.000 m² theo Sơ đồ vị trí đất cấp hộ xây dựng kinh tế vườn theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2003, hoặc bồi thường về đất, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật đối với diện tích đất đã được UBND thị xã K (UBND thành phố K) cấp tại Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 05/6/1987. Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 496/QĐ-GQKN ngày 14/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố K đối với khiếu nại của bà Trần Thị Kim T”.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 492/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum thì UBND tỉnh Kon Tum không đồng ý. Đối với việc Sư đoàn X thuộc Quân Đoàn X giao cho bà A sử dụng 2.100m² đất quốc phòng tại tổ 4, phường T, thành phố K (theo hình thức hoán trả diện tích đất mà bà A cho rằng năm 1990 đã mua của bà T 13.000m² đất mà bà T được UBND thị xã K cấp đất giãn dân lập vườn tại Quyết định số 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987; trong khi bà T khẳng định không bán) thì hiện nay Bộ Tư lệnh Quân Đoàn X đã có quyết định, thông báo thu hồi văn bản giao đất của Sư đoàn X cho bà A vì việc giải quyết của Sư đoàn X không đúng pháp luật.

- *Người bị kiện là đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K trình bày:*

Ngày 14/6/2017, Chủ tịch UBND thành phố K ban hành Quyết định số 496/QĐ-GQKN giải quyết khiếu nại của bà T với quyết định “*Không công nhận nội dung khiếu nại đòi lại diện tích đất của gia đình bà Trần Thị Kim T đã được UBND thị xã giao từ năm 1987 tại khu vực Sân bay cũ, phường T là đúng theo quy định của pháp luật vì bà Trần Thị Kim T chỉ cung cấp được bản sao Quyết định số 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987 của UBND thị xã K về việc cấp đất xây dựng cơ bản và làm kinh tế vườn cho bà và chồng bà là ông Nguyễn Văn L (ông Nguyễn Văn L chết năm 2013) với diện tích là 13.000m². Qua kiểm tra bản gốc Quyết định 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987 đang lưu trữ tại UBND thành phố K với Quyết định 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987 do bà Trần Thị Kim T cung cấp có sự chỉnh sửa, cụ thể: Tại bản gốc Quyết định 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987 đang lưu trữ tại UBND thành phố thể hiện UBND thị xã K giao 6.500m² đất làm kinh tế vườn cho ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Kim T. Tuy nhiên, tại Quyết định phê to có chứng thực mà bà T cung cấp thì diện tích được ghi thêm với nội dung: +6.500m² = 13.000m². Đối với Sơ đồ vị trí giao đất cho bà Trần Thị Kim T và ông Nguyễn Văn L thì UBND thị xã K (nay là thành phố K) không lưu giữ”.*

Như vậy, UBND thị xã K chỉ giao cho ông Nguyễn Văn L và Trần Thị Kim T diện tích đất là 6.500m² tại Quyết định số 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987, chứ không phải 13.000m² như bản photocopy mà bà T cung cấp. Căn cứ Biên bản Hội nghị giữa UBND thị xã K với Sư đoàn X về việc xin đóng quân trên địa bàn thị xã ngày 05/8/1987 thể hiện: Vị trí Sư đoàn X đóng quân trên địa bàn thị xã K đã được Tỉnh ủy và UBND thị xã và Thị đội thống nhất bàn giao cho Sư đoàn X đóng quân ngày 05/8/1987 (có Biên bản Hội nghị kèm theo); vị trí đóng quân của Sư đoàn X bao gồm cả diện tích đất bà Trần Thị Kim T khiếu nại. Sau khi nhận bàn giao thì

khoảng năm 1987 - 1988 Tiểu đoàn X cũng đóng quân tại Khu sân bay và khoảng từ năm 1991-1997 Tiểu đoàn di dời đến nơi khác. Từ khi đóng quân năm 1988 đến nay Sư đoàn X không mượn đất của gia đình bà T; Sơ đồ địa hình vị trí đất kèm theo Biên bản Hội nghị thị xã K với Sư đoàn X ngày 05/8/1987 do Sư đoàn X cung cấp không thể hiện Khu vực sân bay có nhà của dân phải di dời.

Căn cứ hồ sơ địa chính (bản đồ, sổ mục kê đất đai) được Sở Địa chính tỉnh Kon Tum phê duyệt ngày 04/11/1998 thì vị trí đất bà T khiếu nại thể hiện mục đích là đất quân sự và ngày 18/3/1999, UBND tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ T00021 cho Sư đoàn X với diện tích 602,628 hecta với mục đích xây dựng trụ sở Trung đoàn 66. Ngày 20/12/2004, UBND tỉnh Kon Tum ban hành Quyết định số 1805/QĐ-UB thu hồi đất khu Sân bay giao cho địa phương quản lý, sử dụng theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Sau khi hoàn tất các thủ tục thu hồi, đến ngày 08/02/2007, Sư đoàn X tiến hành bàn giao lại diện tích 25 ha khu vực này cho địa phương quản lý. Từ năm 2007 đến nay, UBND tỉnh đã giao đất xây dựng cho các cơ quan Nhà nước; UBND thành phố K đã đầu tư cơ sở hạ tầng, giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

Như vậy, diện tích đất bà T khiếu nại nằm trong khu vực đất Sân bay K đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh Gia Lai - Kon Tum thống nhất bàn giao cho Sư đoàn X đóng quân từ ngày 05/8/1987. Gia đình bà T được giao đất tại khu vực Sân bay từ ngày 05/6/1987, nhưng từ khi được giao đất đến nay bà T không đăng ký kê khai đối với diện tích đất này, không thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất với Nhà nước là trái với quy định của pháp luật đất đai qua các thời kỳ (Điều 4 và khoản 1 Điều 18 Luật Đất đai năm 1987; khoản 1 Điều 33 và khoản 4 Điều 79 Luật đất đai 1993; khoản 2 và 3 Điều 107 Luật đất đai 2003; khoản 1, 2 và điểm a khoản 3 Điều 95 và khoản 2, 3 Điều 170 Luật đất đai năm 2013) và thời điểm Sư đoàn X lấy đất năm 1990 thì gia đình bà T không yêu cầu bồi thường; từ đó đến năm 2017 (27 năm) gia đình bà T không khiếu nại, kiến nghị liên quan đến việc Sư đoàn X quản lý, sử dụng diện tích đất này. Bà T yêu cầu được bồi thường diện tích đất mà vợ chồng bà T được UBND thị xã K giao tại Quyết định số 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987, nhưng bà T không cung cấp được chứng cứ, tài liệu thể hiện Cơ quan có thẩm quyền nào đã tổ chức giao đất trên thực tế cho vợ chồng bà T. Do đó, nay bà T yêu cầu UBND thành phố trả lại gia đình bà T diện tích đất được UBND thị xã K cấp tại Quyết định 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987 hoặc xem xét bồi thường đất cho gia đình bà T là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Đối với khiếu nại của bà T cho rằng UBND thành phố K ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là sai về hình thức văn bản (theo bà T phải ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai) thì: Hình thức và nội dung Đơn của bà T thể hiện bà T khiếu nại việc bà T không được bồi thường diện tích đất mà vợ chồng bà T được UBND thị xã K giao tại Quyết định số 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987; bà T không yêu cầu UBND thành phố K giải quyết tranh chấp diện tích đất trên với cá nhân, cơ quan, tổ chức nào nên Chủ tịch UBND thành phố K ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng hình thức văn bản theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên, Chủ tịch UBND thành phố K đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu hủy Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố K.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện theo ủy quyền của Quân Đoàn X là ông Lê Văn Cương (Sư đoàn phó Sư đoàn X) trình bày:*

Khu vực đất Sư đoàn X đóng quân trên địa bàn thị xã K, trong đó có khu vực đất Sân bay K được Thị ủy, Ủy ban nhân dân thị xã và Ban chỉ huy quân sự thị xã K cấp cho Sư đoàn X sử dụng theo Biên bản hội nghị ngày 05/8/1987. Năm 1999, UBND tỉnh Kon Tum đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N566027 (T00021/QSDĐ/QĐ/KT18/3/1999) cho Sư đoàn X sử dụng đất vào mục đích Quốc phòng. Năm 2004, UBND tỉnh Kon Tum ban hành Quyết định số 1805/QĐ-UB ngày 20/12/2004 thu hồi một phần đất đã giao cho Sư đoàn X để giao cho địa phương quản lý, sử dụng phát triển kinh tế xã hội của địa phương nên năm 2007 Sư đoàn X đã bàn giao 25 ha cho địa phương. Nếu có sự chồng lấn giữa đất Quốc phòng và đất giao cho nhân dân thì trách nhiệm giải quyết thuộc UBND thành phố K và UBND tỉnh Kon Tum.

Đối với việc Sư đoàn X giải quyết giao 2.100m² đất quốc phòng tại tổ 4, phường T, thành phố K cho bà A sử dụng (theo hình thức hoán đổi diện tích đất mà bà A cho rằng đã mua của bà T năm 1990) thì ngày 20/10/2017 Bộ tư lệnh Quân Đoàn X đã có Quyết định số 1940/QĐ-BTL hủy bỏ các văn bản giải quyết đất của Sư đoàn X vì lý do Sư đoàn X giao đất quốc phòng cho bà A không đúng thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai 2003, năm 2013 và các Thông tư của Bộ Quốc phòng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị Kim A trình bày:* Vào năm 1990, Bà nhận chuyển nhượng 13.000m² đất mà vợ chồng bà T được UBND thị xã K giao tại Quyết định số 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987 với giá 11 triệu đồng (giao 5.000.000 đồng năm 1990, giao 6.000.000 đồng năm 2003); việc chuyển nhượng có viết giấy và bà T đã giao bản gốc Quyết định 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987 cho Bà để đi làm thủ tục (nay bản gốc Quyết định 739/QĐ-UB đã bị thất lạc). Sau khi nhận chuyển nhượng đất, Bà đã kê khai, đóng thuế cho nhà nước và canh tác liên tục đến năm 2003 thì Quân đội lấy đất của Bà làm thao trường; sau đó Sư đoàn X đã hoán đổi giao trả Bà 2.100m² đất tại đường T nối dài, nhưng năm 2017 lại thu hồi. Việc bà T chuyển nhượng đất cho Bà được nhiều người dân, Tổ trưởng tổ dân phố số 7 và chính quyền địa phương xác nhận nên việc nay bà T khiếu nại đòi lại quyền lợi đối với diện tích đất bà T được giao tại Quyết định 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987 của UBND thị xã K là không đúng vì Bà mới là người được hưởng quyền lợi từ diện tích đất này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị Kim T1 trình bày:* Bà trực tiếp chứng kiến việc năm 2003 vợ chồng bà T chuyển nhượng 13.000m² đất mà vợ chồng bà T được UBND thị xã K giao tại Quyết định 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987 cho bà A và chứng kiến việc bà A giao cho bà T 5 triệu đồng (mệnh giá 100.000 đồng/tờ). Sau đó, bà A chuyển nhượng lại cho Bà một phần diện tích đất nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà T và giao bản gốc Quyết định 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987 của UBND thị xã K cho Bà để Bà đi làm giấy tờ, nhưng Bà đã làm

thất lạc. Nay Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo ý kiến của bà A và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Bà.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HCST ngày 13/6/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 201 - CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ, Luật đất đai năm 1987 và Quyết định số 201/QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục Quản lý ruộng đất; Căn cứ khoản 2 Điều 2 Luật đất đai năm 1993, khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003 và khoản 5, Điều 26 Luật đất đai năm 2013; Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2017 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 01/6/2017.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Căn cứ vào Điều 29, Điều 358, khoản 2 Điều 359 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Bà Trần Thị Kim T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn), bà Trần Thị Kim T đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn).

Về án phí: Căn cứ các Điều 29, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị Kim T được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm (theo Đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí ngày 06/11/2017 vì bà T là người cao tuổi và theo quyết định của Hội đồng xét xử). Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

- Ngày 18/6/2018, bà T kháng cáo không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T với các lý do:

+ Sau khi được UBND thị xã K giao đất tại Quyết định số 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987 thì vợ chồng Bà đã thuê rà phá bom mìn, san ủi mặt bằng, trồng cây cần trái, cà phê đến năm 1990 thì Sư đoàn X mượn toàn bộ đất của Ông Bà làm thao trường (việc mượn chỉ nói miệng, không lập văn bản). Việc vợ chồng Bà cho Sư đoàn X mượn đất thể hiện trong nội dung Kết luận thanh tra ngày 01/11/2003 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum; Biên bản giải quyết đơn kiến nghị ngày 01/12/2003 và Biên bản giải quyết đất ngày 18/02/2009 của Sư đoàn X;

+ Sư đoàn X mượn đất của vợ chồng Bà, nhưng lại trích 2.100m² đất trả cho bà Đặng Thị Kim A và bà Bùi Thị Kim T1, trong khi vợ chồng Bà không chuyển nhượng cho bà A, bà T1 là sai.

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

+ Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về

nội dung thì tuy UBND thị xã K có ban hành Quyết định số 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987, nhưng chưa tổ chức giao đất trên thực địa cho bà T và bà T cũng chưa vào đầu tư, sản xuất trên đất, chưa kê khai thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước nên cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, đúng pháp luật, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, căn cứ đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện thì ngày 04/5/2017 và ngày 01/6/2017, bà Trần Thị Kim T khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định số 496/QĐ-GQKN ngày 14/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố K và Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 12/09/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum về giải quyết khiếu nại của bà T. Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum thụ lý giải quyết vụ án hành chính là đúng quy định về thẩm quyền giải quyết (quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015) và còn thời hiệu khởi kiện (quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính 2015).

[2]. Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xác định bà T là người khởi kiện; Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum và Chủ tịch UBND thành phố K là người bị kiện; Quân Đoàn X, bà Đặng Thị Kim A và bà Bùi Thị Kim T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại các Điều 59, 60 Luật tổ tụng hành chính 2015.

[3]. Bà T khiếu nại việc bà T không được bồi thường diện tích đất mà vợ chồng bà T được UBND thị xã K giao tại Quyết định số 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987 (không phải bà T khiếu nại tranh chấp quyền sử dụng đất với cá nhân, cơ quan tổ chức) nên Chủ tịch UBND thành phố K ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 496/QĐ-GQKN ngày 14/6/2017 là đúng hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành văn bản. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 496/QĐ-GQKN ngày 14/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố K, bà T khiếu nại nên Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 492/QĐ-UBND ngày 12/09/2017 là đúng hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành văn bản theo quy định của pháp luật.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Đại diện của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum và đại diện của Chủ tịch UBND thành phố K công nhận ngày 05/6/1987 Chủ tịch UBND thị xã K có ban hành Quyết định số 739/QĐ-UB cấp cho vợ chồng bà T 6.500m² đất tại khu vực Sân bay K (cũ) cho mục đích giãn dân và làm kinh tế vườn (bản gốc Quyết định 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987 hiện lưu tại Kho lưu trữ thuộc UBND thành phố, Tòa án đã tiến hành thu thập lưu tại bút lục 347), không thừa nhận bản photocopy Quyết định số 739/QĐ-UBND đề ngày 05/6/1987 do bà T xuất trình ghi cấp cho vợ chồng bà T 6500m² + 6.500m² = 13.000m²; bà T cũng chỉ đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết quyền lợi của gia đình Bà đối với diện tích

6.500m² đất được cấp theo bản gốc Quyết định số 739/QĐ-UB do UBND thành phố K xuất trình.

[5]. Ủy ban nhân dân thành phố K trình bày ngày 05/6/1987 UBND thị xã K có ban hành Quyết định số 739/QĐ-UB giao cho vợ chồng bà T 6.500m² đất tại khu vực Sân bay K cho mục đích giãn dân và làm kinh tế vườn, nhưng trên thực tế UBND thị xã K chưa tiến hành giao đất trên thực địa cho vợ chồng bà T. Bà T trình bày sau khi được giao đất, vợ chồng Bà đã thuê rà phá bom mìn, san ủi mặt bằng, trồng cây cần trái, cà phê đến năm 1990 thì cho Sư đoàn X mượn toàn bộ đất làm thao trường, nhưng Sư đoàn X không thừa nhận có việc mượn đất của bà T; trong khi đó, bà T không xuất trình được tài liệu chứng minh việc cho mượn đất hoặc chứng cứ về việc kê khai, nộp thuế cho Nhà nước. Hơn nữa, nếu trình bày nêu trên của bà T là thật thì lại mâu thuẫn với trình bày của bà Đặng Thị Kim A và bà Bùi Thị Kim T1 rằng vợ chồng bà T sau khi được giao đất không vào sử dụng mà chuyển nhượng toàn bộ cho bà A, bà A chuyển nhượng lại một phần cho bà T1. Mặt khác, chỉ đến năm 2010 khi biết được thông tin Sư đoàn X đang xem xét, trả đất cho bà A thì bà T mới khiếu nại; như vậy, tính từ ngày 05/8/1987 (ngày mà Tỉnh ủy, UBND tỉnh Gia Lai - Kon Tum quyết định giao toàn bộ Khu vực đất sân bay K cho Sư đoàn X đóng quân) đến năm 2010 là sau 23 năm hoặc sau 20 năm (nếu tính từ năm 1990, năm mà Tưởng cho rằng cho Sư đoàn X mượn đất) bà T mới khiếu nại. Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/01/2018 (do Công ty TNHH ĐCH được Tòa án hợp đồng đo đạc theo yêu cầu của bà T) thì bà T cũng không chỉ được chính xác vị trí, kích thước đất bà T được giao theo Quyết định 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987 (theo chỉ dẫn của bà T thì diện tích đo được là 20.991,22 m²).

[6]. Thực tế, sau khi ban hành Quyết định số 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987 giao đất cho bà T thì chỉ sau 2 tháng (đến ngày 05/8/1987) Tỉnh ủy, UBND tỉnh Gia Lai - Kon Tum, UBND thị xã và Thị đội K đã thống nhất bàn giao toàn bộ Khu vực sân bay K cho Sư đoàn X đóng quân (có Biên bản hội nghị giữa UBND thị xã K với Sư đoàn X) và trong các năm 1987 - 1997 Tiểu đoàn X cũng đóng quân tại Khu vực sân bay. Sơ đồ địa hình vị trí đất kèm theo Biên bản Hội nghị giữa UBND thị xã K với Sư đoàn X ngày 05/8/1987 không thể hiện Khu vực sân bay có nhà của dân phải di dời. Bản đồ, Sổ mục kê do Sở Địa chính tỉnh Kon Tum phê duyệt ngày 04/11/1998 cho thấy toàn bộ Khu vực Sân bay K được sử dụng cho mục đích quân sự nên ngày 18/3/1999 UBND tỉnh Kon Tum đã cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* (sổ vào sổ T00021) cho Sư đoàn X diện tích 602,628 hecta với mục đích xây dựng trụ sở Trung đoàn 66. Ngày 20/12/2004, UBND tỉnh Kon Tum ban hành Quyết định số 1805/QĐ-UB thu hồi một phần đất khu vực Sân bay, giao cho địa phương quản lý, sử dụng vào mục đích quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và ngày 08/02/2007 Sư đoàn X bàn giao lại 25 ha đất khu vực Sân bay cho địa phương; hiện nay đất khu vực này đã được UBND tỉnh Kon Tum cấp cho các cơ quan Nhà nước tỉnh Kon Tum xây dựng trụ sở hoặc giao đất có thu tiền cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

[7]. Từ các luận điểm nêu trên xét thấy có đủ cơ sở xác định: Tuy có việc ngày 05/6/1987 Ủy ban nhân dân thị xã K ban hành Quyết định số 739/QĐ-UB

giao cho vợ chồng bà T 6.500m² đất tại khu vực Sân bay K cho mục đích giãn dân và làm kinh tế vườn, nhưng chỉ dừng lại trên “*Giấy*” mà chưa có việc UBND thị xã K tổ chức giao đất trên thực địa cho vợ chồng bà T. Vợ chồng bà T không cung cấp được chứng cứ, tài liệu thể hiện đã được UBND thị xã K giao đất trên thực địa và không chứng minh được việc Ông Bà đã vào đầu tư, quản lý, sử dụng khu vực đất được giao; trong khi bà A, T1 lại khai vợ chồng bà T sau khi được giao đất không vào sử dụng mà chuyển nhượng toàn bộ cho bà A, bà A chuyển nhượng lại một phần cho bà T1. Theo quy định tại điểm c khoản 3 mục V Quyết định số 201-CP ngày 01/07/1980 của Hội đồng Chính phủ thì người sử dụng đất phải kê khai việc sử dụng đất làm cơ sở để Nhà nước “*thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước*”, nhưng bà T (nếu có vào sử dụng đất) cũng không kê khai và chỉ sau 02 tháng kể từ khi ban hành Quyết định 739/QĐ-UB thì ngày 05/8/1987 Tỉnh ủy, UBND tỉnh Gia Lai - Kon Tum đã thống nhất bàn giao toàn bộ Khu vực đất sân bay K cho Sư đoàn X đóng quân, tính đến năm 2010 là sau 23 năm bà T đến khi biết Sư đoàn X đang xem xét trả đất cho bà A mới khiếu nại. Mặt khác, khoản 2 Điều 2 Luật đất đai năm 1993 (khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003; khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013) quy định: “*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” và đối chiếu quy định tại Khoản 2 Điều 49, Điều 4, khoản 1 Điều 18 của Luật Đất đai năm 1987; khoản 1 Điều 33 và khoản 4 Điều 79 Luật đất đai 1993; khoản 2 và 3 Điều 107 Luật đất đai 2003; khoản 1, 2 và điểm a khoản 3 Điều 95 và khoản 2, 3 Điều 170 Luật đất đai năm 2013 thì hộ gia đình bà T chưa có quyền sử dụng diện tích đất mà UBND thị xã K giao tại Quyết định số 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987 nên không được xem xét bồi thường khi Nhà nước giao diện tích đất này cho quân đội sử dụng (hiện nay giao một phần cho Cơ quan Nhà nước sử dụng, giao đất có thu tiền cho tổ chức, cá nhân sử dụng).

[8]. Từ phân tích và kết luận tại các mục nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy Chủ tịch UBND thành phố K ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 496/QĐ-GQKN ngày 14/6/2017 và Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 492/QĐ-UBND ngày 12/9/2017, với nội dung đều không chấp nhận khiếu nại của bà T yêu cầu được bồi thường diện tích đất mà vợ chồng bà T được UBND thị xã K giao tại Quyết định số 739/QĐ-UB ngày 05/6/1987 là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu hủy Quyết định số 496/QĐ-GQKN ngày 14/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố K và Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum là có căn cứ, đúng pháp luật nên Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà T kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng vì bà T là người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 349 Luật tổ tụng hành chính 2015 tuyên xử bác kháng cáo của bà Trần Thị Kim T, giữ nguyên quyết định tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HCST ngày 13/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, cụ thể như sau:

Căn cứ Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ; Luật đất đai năm 1987 và Quyết định số 201/QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục Quản lý ruộng đất; Căn cứ khoản 2 Điều 2 Luật đất đai năm 1993, khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003 và khoản 5, Điều 26 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 29, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2017 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 01/6/2017 (nội dung Đơn bà T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 496/QĐ-GQKN ngày 14/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 492/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum để buộc UBND xem xét giải quyết quyền lợi hợp pháp của vợ chồng bà T đối với diện tích đất được UBND thị xã K giao tại Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 05/6/1987).

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Trần Thị Kim T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.600.000 đồng (năm triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn), bà Trần Thị Kim T đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.600.000 đồng (năm triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn).

- Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim T được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm (theo Đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí ngày 06/11/2017 vì bà T là người cao tuổi và theo quyết định của Hội đồng xét xử); Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

II/ Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Trần Thị Kim T (bà T đã có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí kháng cáo, được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, chấp nhận nên bà T chưa nộp tạm ứng).

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân